

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/HS-ST**
Ngày 27 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Mộng Lành.**

2. Ông **Nguyễn Văn Dũng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:
Ông Lý Kim Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Hoàng A, sinh năm 1982 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D và bà Trần Thị B; có vợ tên Hồ Thị T và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; N thân: Ngày 17/3/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo điểm 4 khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Hiện được xóa án tích), chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2018 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

A Dương Thanh Đ, sinh năm 1983. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

A Nguyễn Văn N, sinh năm 1988. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp B, xã N, A, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trương Văn D, sinh năm 1955. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1956. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 24/11/2017, Trương Hoàng A chạy chiếc vỏ máy đẩy xiệp của cha ruột tên là Trương Văn D từ nhà ở ấp Đ, xã N, huyện A chạy ra trại trông giữ khu vực vùng biển nuôi sò huyết của Dương Văn Đ thuộc ấp B, xã N, huyện A. Đến nơi, Hoàng A quan sát không có người trông giữ nên lén lút đột nhập vào trại lấy trộm của anh Đ dụng cụ đẩy xiệp bắt thủy sản bằng điện gồm: 01 miệng xiệp bằng lưới màu đỏ; 01 bình ắc quy màu trắng 100 ampe, có in chữ Đồng Nai màu đỏ; 01 đèn pin cầm tay 12v màu xA dài 25cm, chá đèn có đường kính 15cm; 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14 cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn. Tổng giá trị tài sản qua kết luận định giá tài sản ngày 13/12/2017, của Hội đồng định giá tài sản huyện A là 4.400.000đ. Sau đó Hoàng A kết nối lại thành 01 dụng cụ xiết bằng điện rồi sử dụng đánh bắt thủy sản ở khu vực vùng biển thuộc ấp X, xã N, huyện A. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày do đánh bắt không có thủy sản nên Hoàng A chạy đến nhà Nguyễn Văn N ở ấp B, xã N, huyện A bán cho anh N cái miệng xiệp vừa trộm được với giá 200.000đ. Còn lại bình ắc quy, đèn pin, xung điện Hoàng A mang về nhà cất giấu. Đến ngày 25/11/2017, Dương Văn Đ phát hiện Hoàng A lấy trộm dụng cụ xiết điện nên trình báo cơ quan đến Công an xử lý.

Các vật chứng đã thu giữ gồm: 01 miệng xiệp bằng lưới màu đỏ; 01 bình ắc quy màu trắng 100 ampe, có in chữ Đồng Nai màu đỏ; 01 đèn pin cầm tay 12v màu xA dài 25cm, chá đèn có đường kính 15cm; 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn.

Tại bản cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 22/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trương Hoàng A về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng pháp luật và xử phạt bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Trương Hoàng A từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trương Hoàng A đã trả lại số tiền 200.000đ cho Nguyễn Văn N, anh N không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

- Ý kiến bị hại:

Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử theo quy định của pháp luật;

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Yêu cầu được nhận lại 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn hiện đang bị thu giữ; về miệng xiệp, đèn pin và bình ắc quy bị hại đã nhận xong và không yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn N đã nhận lại số tiền 200.000 đồng của bị cáo, do mua miệng xiệp bị cáo lấy của anh Đ bán mà anh N không biết đó là tài sản bất hợp pháp, anh N không yêu cầu gì thêm;

Ông Trương Văn D là cha ruột bị cáo có cho bị cáo mượn vỏ máy đi làm ăn, sự việc xảy ra ông đã nhận lại vỏ máy và không yêu cầu gì thêm, chỉ yêu cầu xử bị cáo ở mức án nhẹ để bị cáo có điều kiện lo cho các con bị cáo, vì từ khi sự việc xảy ra vợ bị cáo đã bỏ nhà đi, vợ chồng ông thì già yếu không giúp được gì nhiều cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa Hội đồng xét xử, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã hối hận nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện nuôi hai đứa con nhỏ ăn học, vợ bị cáo hiện đã bỏ nhà đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Phiên tòa ngày 24/4/2018: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều có mặt;

Ngày 27/4/2018 phiên tòa tiếp tục nhưng vắng mặt anh N, ông D và ông D1. Tòa án đã thông báo về thời gian mở lại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xét thấy trong quá trình xét hỏi đã hỏi đầy đủ những thông tin liên quan vụ án của những người này và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, anh N và ông D1 theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa đã làm rõ: Khoảng 16 giờ ngày 24/11/2017, để có tiền tiêu xài cá nhân Trương Hoàng A sử dụng chiếc vỏ máy đẩy xiệp của cha ruột tên là Trương Văn D chạy đến Trại trông giữ nuôi sò huyết của Dương Văn Đ thuộc ấp B, xã N, huyện A, khi quan sát nhìn thấy không có ai trông giữ, bị cáo đã lấy dụng cụ đẩy xiệp bắt thủy sản bằng điện của anh Đ gồm: 01 miệng xiệp bằng lưới màu đỏ; 01 bình ắc quy màu trắng 100 ampe, có in chữ Đồng Nai màu đỏ; 01 đèn pin cầm tay 12v màu xA dài 25cm, chá đèn có đường kính 15cm; 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn. Tổng giá trị tài sản theo Kết luận định giá là 4.400.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, truy tố bị cáo Trương Hoàng A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét về tính chất mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm mất an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực biết được việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền nhanh chóng mà bị cáo đã thực hiện hành vi lấy tài sản của bị hại bất chấp mọi hậu quả pháp lý, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu và quản lý tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Cho nên cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn tỏ ra biết ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục lại hiện trạng ban đầu tài sản lấy trộm để trả cho bị hại, lý do bị cáo khắc phục kéo dài thời gian vì hoàn cảnh bị cáo quá khó khăn do không đủ tiền để mua dụng cụ khắc phục, vì một phần tiền dùng vào việc đóng tiền học cho con; bị cáo đã trả lại 200.000 đồng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện đang nuôi hai đứa con nhỏ, vợ bị cáo đã bỏ nhà đi; thiệt hại tài sản xảy ra không lớn.

Mặt khác, xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho thấy bị cáo đủ điều kiện xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01 ngày 06/11/2013 cụ thể là: Bị cáo bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 là tội ít nghiêm trọng phạt tù không quá 3 năm; ở địa phương bị cáo chấp hành tốt các chủ trương chính sách, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, tuy năm 2006 bị cáo bị xử phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự, nhưng đây là loại tội phạm vô ý đã xóa án tích; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cụ thể; không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo tốt, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Điều 2 Nghị quyết số 01 ngày 6/11/2013 để xem xét cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy vật chứng còn lại là: 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn đã được định giá, kết quả định giá là 1.200.000đ để làm căn cứ định lượng xác định khung hình phạt, nên tổng giá trị thiệt hại bị cáo gây ra là 4.400.000 đồng, đây loại tài sản không phải là công cụ phương tiện phạm tội, không phải là vật cấm lưu hành, đồng thời tài sản này có chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp; tại phiên tòa bị hại là người trực tiếp quản lý yêu cầu được nhận lại để trả cho chủ sở hữu. Cho nên việc trả lại tài sản cho người bị hại thì không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị hại Dương Thanh Đ: 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14 cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn.

Đối với miệng xiệp, đèn pin và bình ắc quy bị hại Dương Thanh Đ đã nhận lại đầy đủ; anh Nguyễn Văn N đã nhận lại số tiền 200.000 đồng của bị cáo, do mua miệng xiệp bị cáo lấy của anh Đ bán mà anh N không biết đó là tài sản

bất hợp pháp; ông Trương Văn D là cha ruột bị cáo có cho bị cáo mượn vỏ máy đi làm ăn, sự việc xảy ra ông đã nhận lại vỏ máy xong. Tại phiên tòa, anh Đ, anh N và ông D không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên: Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo về hình phạt, về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự là phù hợp một phần như đã phân tích ở trên.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng A 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/4/2018 và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/2018/HSST-LCCT ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị hại Dương Thanh Đ: 01 tụ thiết bị dẫn điện (xung điện), hình hộp chữ nhật, kích thước 19,5 x 30 x 14 cm, có đầu nối 02 đoạn dây dẫn. Theo quyết định chuyển giao vật chứng số 03/QĐ-VKS-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát N dân huyện A, Kiên Giang.

Đối với miệng xiệp, đèn pin và bình ắc quy bị hại Dương Thanh Đ đã nhận lại đầy đủ; anh Nguyễn Văn N đã nhận lại số tiền 200.000 đồng của bị cáo, do mua miệng xiệp bị cáo lấy của anh Đ bán mà anh N không biết đó là tài sản bất hợp pháp; ông Trương Văn D là cha ruột bị cáo có cho bị cáo mượn vỏ máy đi làm ăn, sự việc xảy ra ông đã nhận lại vỏ máy xong. Tại phiên tòa, anh Đ, anh

N và ông D không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Hoàng A phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện A, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự ;
- NTG; CA huyện A;
- BC; người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chon